

Bản án số: 179/2023/DS-PT
Ngày 19-05-2023
V/v tranh chấp thừa kế về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Lê Thị Bích Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 198A/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp H1, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp H2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp H2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp H2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1994; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã B, huyện H3, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ tạm trú: khu B, thị trấn H4, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Được uỷ quyền theo hợp đồng uỷ quyền ngày 08/12/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Thái Hoàng D1, Văn phòng Luật sư Nguyễn Hoà B, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Đ1, xã Đ2, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Tấn A, sinh năm 1992;

3. Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1990;

4. Bà Đặng Thị L. Sinh năm 1987;

5. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980;

6. Bà Đặng Thị Khánh D, sinh năm 1988;

7. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1989;

8. Bà Châu Thị H2, sinh năm 1996;

9. Ông Châu Văn R, sinh năm 1990;

10. Ông Châu Văn N, sinh năm 1987;

11. Bà Châu Thị N1, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: ấp H2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

12. Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1952;

Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện Đ1, tỉnh Long An.

13. Nguyễn Thị V1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: đường M, Phường X, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1946;

Địa chỉ: ấp G, xã T1, huyện Đ, tỉnh Long An.

15. Bà Trương Thị O, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp H2, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

16. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp H2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

17. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An;

Địa chỉ: Đường X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban: ông Trần Văn T1, Chủ tịch.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H trình bày:

Ông Nguyễn Văn S (chết năm 1969) và bà Cao Thị T2 (chết năm 2018) có 05 người con gồm: Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Mộng H, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Văn C2, trong đó ông C2 chết năm 2011 có hai con là Nguyễn Tấn Đ1 và Nguyễn Tấn A. Ông S và bà T2 có tạo lập được diện tích đất 186m² thuộc thửa 372, loại đất ONT và thửa đất số 373 diện tích 909m², loại đất HNK, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp H2, xã H, huyện Đ. Các phần đất này, bà Cao Thị T2 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 235328 và số BM 235327 cùng ngày 12/10/2012. Ngày 23/5/2013, bà T2 có lập di chúc để lại quyền sử dụng đất nêu trên cho các con, Di chúc số 04, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận có nội dung như sau:

- Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị C mỗi người được nhận diện tích chiều ngang 4m, dài hết đất thuộc một phần các thửa 372, 373, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An;

- Bà Nguyễn Thị Mộng H, ông Nguyễn Văn C2 (do ông Nguyễn Tấn A đại diện nhận) mỗi người được chia diện tích ngang 04m, dài hết đất thuộc một phần các thửa 373, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An;

- Bà Nguyễn Thị Đ được nhận diện tích còn lại trên đất có ngôi nhà thờ, dài hết đất thuộc phần còn lại các thửa 372, 373, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã H để bà Đ thờ cúng cha mẹ.

Ngày 05/12/2018, bà T2 chết, bà Đ không chịu chia đất theo di chúc cho các anh chị em và còn cố ý lấn chiếm phần đất phía sau của các nguyên đơn. Ngoài ra, bà Đ còn tự ý xây rào chắn ngang làm các nguyên đơn không có đường thoát nước sử dụng đất nên phát sinh tranh chấp.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Đ phải tháo dỡ hàng rào đã xây dựng và yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại các thửa 372, 373 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã H, huyện Đ theo nội dung di chúc lập ngày 23/5/2013.

Ngoài ra, các nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H không đồng ý trước yêu cầu phản tố của bà Đ về việc yêu cầu Toà án tuyên vô hiệu Di chúc số 04 lập ngày 23/5/2013 do Ủy ban nhân dân xã H chứng thực vì di chúc được lập khi bà T2 còn rất minh mẫn, sáng suốt và di chúc đã được chứng thực hợp lệ.

Bị đơn có yêu cầu phản tố bà Nguyễn Thị Đ cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C1 trình bày:

Qua các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì bà Đ không đồng ý vì các lý do sau:

1. Di chúc số 04, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD của Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 23/5/2013 là không khách quan, không đúng theo quy định pháp luật vì khi lập di chúc bà T2 đã lớn tuổi, sức khỏe yếu, không còn minh mẫn nhưng di chúc không có người làm chứng.

2. Sau khi bà T2 chết, các thành viên trong gia đình gồm: Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Mộng H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Tấn Đ1, Nguyễn Tấn A có thỏa thuận và lập văn bản phân chia di sản thừa kế của bà T2 để lại. Nội dung Văn bản phân chia di sản thể hiện: Bà Nguyễn Thị M được nhận diện tích đất thuộc một phần các thửa 372 (diện tích 49m²), thửa 373 (diện tích 43m²); bà Nguyễn Thị C được nhận diện tích đất thuộc một phần thửa 372 (diện tích 29m²), thửa 373 (diện tích 88m²); bà Nguyễn Thị Mộng H được nhận diện tích đất thuộc một phần thửa 373 (diện tích 160m²); ông Nguyễn Tấn A được nhận diện tích đất thuộc một phần thửa 373 (diện tích 70m²); ông Nguyễn Tấn Đ1 từ chối không nhận di sản. Bà Nguyễn Thị Đ được nhận diện tích đất thuộc các thửa 373 (diện tích 298m² phần còn lại), thửa 373 (diện tích 250m²). Ngoài ra, theo văn bản phân chia di sản, bà Đ còn được nhận diện tích 63m² thuộc một phần thửa 372 và diện tích 231m² thửa 372 (phần còn lại), sau đó các nguyên đơn không thực hiện theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản này.

3. Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào thì bị đơn cũng không đồng ý. Vì sau khi lập Văn bản phân chia di sản, bà Đ chỉ quản lý, sử dụng và xây hàng rào trên phần đất đã được chia, không lấn chiếm đất của các nguyên đơn.

Vì các lý do trên bị đơn không đồng ý tất cả các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đồng thời, bà Đ có yêu cầu phản tố yêu cầu Toà án tuyên vô hiệu

Di chúc số 04, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD do Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 23/5/2013.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Nguyễn Tấn A có yêu cầu độc lập trình bày: Ông An là con ông Nguyễn Văn C2 (chết năm 2011) và bà Nguyễn Thị Đ3 (chết năm 2003), ông A là cháu nội của bà Cao Thị T2, ông Nguyễn Văn S. Sau khi bà T2 chết có để lại di chúc được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 23/5/2013. Thực hiện theo di chúc, ông A và các cô (Nguyễn Thị Mộng H, Nguyễn Thị M) đã xây dựng nhà trên diện tích đất được chia. Đến năm 2018, bà Đ yêu cầu lập văn bản phân chia di sản thừa kế để chia lại đất và tự ý lấn chiếm phần đất, xây hàng rào chắn ngang không có đường thoát nước nên gia đình phát sinh tranh chấp.

Nay ông A khởi kiện yêu cầu bà Đ tháo dỡ hàng rào và chia di sản thừa kế cho ông A được nhận quyền sử dụng đất tại vị trí căn nhà đã xây trên diện tích 67.9m² thuộc một phần thửa 373, tờ bản đồ số 10, xã H theo nội dung di chúc của bà T2 lập ngày 23/5/2013.

2. Các bà Đặng Thị L, bà Nguyễn Thị G, Đặng Thị Khánh D, Đặng Thị X trình bày: các bà là con bà Nguyễn Thị M, là cháu ngoại bà Cao Thị T2. Hiện nay các bà đang sinh sống trên nhà, đất của Bà M bị tranh chấp tại một phần các thửa 372, 373, các bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Bà M đối với bà Đ và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

3. Các ông, bà Châu Thị H2, Châu Văn R, Châu Văn N, Châu Thị N1 trình bày: các ông, bà là con bà Nguyễn Thị Mộng H, là cháu ngoại bà Cao Thị T2. Hiện nay các ông bà đang sinh sống trên nhà, đất của bà Hà bị tranh chấp tại một phần các thửa 372, 373. Các ông, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Hà đối với bà Đ và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

4. Bà Nguyễn Thị Đ2 trình bày: bà Đưa là con của ông Lưu Văn B (chết) và bà Cao Thị T2. Ông B, bà T2 có hai con chung là bà Nguyễn Thị Đ2 và bà Nguyễn Thị M. Sau khi ông B chết thì bà T2 tái hôn với ông Nguyễn Văn S. Vào ngày 23/5/2013, bà T2 lập di chúc để định đoạt phần tài sản cho các con là đúng ý nguyện của bà T2. Bà Đ2 không có tranh chấp gì đối với di sản của bà T2 để lại tại các thửa đất số 372, 373 và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

5. Các bà Nguyễn Thị V1, Nguyễn Thị V2 trình bày: bà Nguyễn Thị V1, Nguyễn Thị V2 là con của ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Phạm Thị M1. Ông S, bà M1 có 06 người con, có 03 người con chết lúc nhỏ và 03 người còn sống là bà Nguyễn Thị V1, Nguyễn Thị V2, riêng bà Nguyễn Thị L1 đã chết có 01 con là Trương Thị O. Sau khi bà M1 chết thì ông S tái hôn với bà T2. Bà V1, bà V2

không có yêu cầu tranh chấp gì đối với di sản của ông S, bà T2 để lại tại các thửa 372, 373 và xin vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

6. Bà Trương Thị O trình bày: bà O là con bà Nguyễn Thị L1 (chết), là cháu ngoại ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Phạm Thị M1. Bà O không có yêu cầu tranh chấp gì đối với di sản của ông S, bà T2 để lại tại các thửa 372, 373 và xin vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án.

7. Ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông T là chồng của bà Nguyễn Thị Đ, Ông T đang chung sống với bà Đ tại nhà, đất tranh chấp trên các thửa đất số 372, 373. Ông T thống nhất theo yêu cầu phản tố của bà Đ, không có ý kiến gì khác.

8. Ủy ban nhân dân xã H do ông Trần Văn T1 đại diện trình bày tại Văn bản số 227/CV.UBX ngày 22 tháng 7 năm 2022 như sau: khi Ủy ban nhân dân xã H chứng thực Di chúc số 04, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 23/5/2013 thì bà Cao Thị T2 còn minh mẫn và tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã lập di chúc. Ủy ban nhân dân xã H xác định việc chứng thực di chúc là đúng qui định pháp luật, xin vắng mặt trong quá trình Toà án hòa giải, xét xử tại các cấp toà án.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 198A/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Đ đã căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 11, Điều 163, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 643, Điều 657, Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Tấn A về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

1.1. Xác định di sản thừa kế của bà Cao Thị T2 để lại là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BM 235328 và số BM 235327 ngày 12/10/2012 có diện tích 1147,2m², gồm: thửa 372 , đất ONT, diện tích 186m² và thửa số 373, loại đất HNK, diện tích 961,2m², tờ bản đồ số 10, ấp H2, xã H, huyện Đ, Long An.

1.2. Chia di sản thừa kế theo Di chúc số 04 ngày 23/5/2013 của bà Cao Thị T2 (chết) để lại diện tích 1147,2m² như sau:

1.2.1. Bà Nguyễn Thị Mộng H được chia di sản diện tích 195,3m² tại một phần thửa 373, diện tích 195.3m², loại đất HNK (tại vị trí A của Bảng phân khu).

1.2.2. Bà Nguyễn Thị C được chia di sản diện tích 146,5m² tại một phần thửa 372, diện tích 34.2m², loại đất ONT và tại một phần thửa 373, diện tích 112,3m², loại đất HNK (tại vị trí B1, B2, B3 của Bảng phân khu).

1.2.3. Bà Nguyễn Thị M được chia di sản diện tích 173.9m² tại một phần thửa 372, diện tích 91.3m², loại đất ONT và tại một phần thửa 373, diện tích 82.3m² loại đất HNK (vị trí: F1, F2, F3, E1, E2, E3 của Bảng phân khu).

1.2.4. Ông Nguyễn Tấn A được chia di sản diện tích 67,9m² tại một phần thửa 373, diện tích 67,9m² loại đất HNK (vị trí A của Bảng phân khu).

Các ông, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H, ông Nguyễn Tấn A, bà Nguyễn Thị C được xin thủ tục đăng ký đứng tên đồng sở hữu đối với quyền sử dụng đất tổng diện tích 583,6m² tại một phần thửa 372, thửa 373, tờ bản đồ số 10, ấp H2, xã H, huyện Đ, Long An.

1.2.5. Bà Nguyễn Thị Đ được chia di sản diện tích 513.7m² tại một phần thửa 372, diện tích 60.2m², loại đất ONT và tại một phần thửa 373, diện tích 453.5m² loại đất HNK (vị trí: C, D1, D2, D3; H, G của Bảng phân khu).

Bà Nguyễn Thị Đ được đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 513.7m² tại một phần thửa 372, thửa 373, tờ bản đồ số 10, ấp H2, xã H, huyện Đ, Long An.

(Vị trí nhà, đất các bên đương sự nhận di sản nêu trên thể hiện chi tiết theo Bảng phân khu của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T4 đo vẽ ngày 27/9/2022 và Mạnh trích đo số 145/2022 của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất T4 đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ phê duyệt ngày 26/5/2022; bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 235328 và số BM 235327 ngày 12/10/2012 của bà Cao Thị T2 đứng tên do các nguyên đơn đang quản lý).

1.2.6. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ dành lối chung tại một phần thửa 373, diện tích 95m² loại đất HNK, không được rào chắn, ngăn cản việc đi lại trên lối chung (tại vị trí G) để bà Đ và các ông, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H, ông Nguyễn Tấn A, bà Nguyễn Thị C cùng sử dụng chung.

1.2.7. Buộc bà Nguyễn Thị Đ tháo dỡ hàng rào chắn tạm bằng lưới B40 trên phần đất diện tích 146,5m² của bà Nguyễn Thị C được hưởng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị Đ về việc tuyên vô hiệu Di chúc số 04, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 23/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã H chứng thực.

3. Về chi phí thẩm định, định giá:

Ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H nộp chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tổng cộng là 31.500.000đồng. Các nguyên đơn đã nộp và Tòa án đã chi phí xong.

4. Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

4.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Nguyễn Thị Mộng H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.880.675đồng sung công quỹ Nhà nước. Khấu trừ cho bà Nguyễn Thị Mộng H vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0006289, ngày 29/9/2020. Bà Nguyễn Thị Mộng H phải nộp bổ sung là 380.675 đồng.

4.3. Ông Nguyễn Tấn A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.001.525đồng sung công quỹ Nhà nước. Khấu trừ cho ông Nguyễn Tấn A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0009952, ngày 23/3/2022. Ông Nguyễn Tấn A phải nộp bổ sung là 701.525đồng.

4.4. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.422.205đồng và nộp án phí phản tố không được chấp nhận là 300.000đồng sung công quỹ Nhà nước. Khấu trừ cho bà Nguyễn Thị Đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0009952, ngày 23/3/2022. Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp bổ sung là 9.422.205đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ làm đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, thực hiện phân chia di sản theo biên bản họp gia đình mà các bên thoả thuận, yêu cầu vô hiệu Di chúc ngày 23/5/2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, các nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, không thừa nhận có ký tên vào

văn bản phân chia di sản thừa kế. Các nguyên đơn bà C, Bà M, bà Mộng H trình bày cho rằng, do bà Đ rào hàng rào không cho các chị em sử dụng đất nên các nguyên đơn phải khởi kiện, bà C cho rằng bản thân bà C có nơi ở riêng, bà C khởi kiện để giành quyền sử dụng đất cho các chị em không có nơi ở nào khác, do bà Đ ngăn cản việc sử dụng đất chung của các đồng thừa kế nên bà C mới khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ do bà Nguyễn Thị Kim C1 đại diện không rút đơn kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, vô hiệu Di chúc ngày 23/5/2013; chia di sản thừa kế của bà T2 theo văn bản phân chia di sản thừa kế, cụ thể chia cho bà Nguyễn Thị M 43m² đất thuộc thửa 373; 49m² đất thuộc thửa 372; chia cho bà C 88m² đất thuộc thửa 373, 29m² thuộc thửa 372; chia cho bà Đ 250m² và 298m² đất thuộc thửa 373, 63m² và 231m² đất thuộc thửa 372; chia cho bà Mộng H 160m² đất thuộc thửa 373; ông Nguyễn Tấn A 70m² đất thuộc thửa 373, nhưng không xác định được vị trí cụ thể của từng phần đất được chia.

Luật sư Thái Hoàng D1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án vì Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi chưa thu thập các chứng cứ về việc đánh giá hiệu lực của Di chúc ngày 23/5/2013 như năng lực hành vi dân sự của bà T2, dấu vân tay của bà T2, di chúc thể hiện nội dung không chính xác về vị trí đất, địa chỉ của các đương sự nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại xác định di chúc có hiệu lực. Toà án cấp sơ thẩm đồng thời chưa đánh giá các văn bản thoả thuận phân chia di sản, chưa cho các đương sự đối chất làm rõ. Bản án sơ thẩm chia quyền sử dụng đất cho tách thửa đất dưới diện tích tối thiểu vi phạm quy định của Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành quy định về điều kiện tách thửa, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Long An.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Ông Nguyễn Văn S (chết năm 1970) và bà Cao Thị T2 (chết năm 2018) có 04 người con chung gồm: Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Mộng H, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Văn C2 (chết năm 2011, có 02 con là Nguyễn Tấn Đ1 và Nguyễn Tấn A). Bà Nguyễn Thị M là con chung của bà Cao Thị T2 và ông Lưu Văn B.

Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc thửa đất số 372 diện tích 186m² loại đất ONT và thửa đất số 373 diện tích 909m² loại đất HNK, tờ bản đồ số 10 do ông S, bà T2 tạo lập. Bà Trần được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 235328 và số BM 235327 ngày 12/10/2012.

Ngày 23/5/2013, bà T2 có lập Di chúc số 04, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã H để phân chia quyền sử dụng đất thửa 372 và thửa 373 nêu trên cho các con. Công văn số 227/CV.UBX ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã H cũng đã xác định việc bà T2 đến Ủy ban nhân dân xã H ký vào di chúc để phân chia quyền sử dụng đất tại hai thửa đất số 372 và 373 cho các con và Ủy ban đã xác nhận vào Di chúc.

Xét thấy Di chúc số 04, quyền số 01 TP/CC- SCT/HĐGD ngày 23/5/2013 của bà Cao Thị T2 được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận, Di chúc có hình thức, điều kiện, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 628, Điều 630, Điều 631 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ xác định Di chúc số 04 của bà Cao Thị T2 lập là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Đ có cung cấp Văn bản phân chia di sản (không ghi ngày, tháng) thể hiện các chị em trong gia đình có ký và thỏa thuận phân chia lại đất tại các thửa đất số 372, 373 nhưng các chị em không thừa nhận có ký Văn bản phân chia di sản, Văn bản không xác định vị trí đất phân chia. Quá trình sử dụng đất bà Đ tự ý xây dựng hàng rào làm các chị em đang sử dụng đất không có đường thoát nước dẫn đến tranh chấp. Do đó, Văn bản phân chia di sản do bà Đ cung cấp không thực hiện được.

Theo nội dung của Di chúc ngày 23/5/2013 của bà Cao Thị T2 phân chia đất như sau: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị C mỗi người được nhận diện tích ngang 04m, dài hết đất thuộc một phần các thửa 372, 373, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Mộng H, ông Nguyễn Văn C2 (do ông Nguyễn Tấn Đ1 đại diện nhận) mỗi người được nhận diện tích ngang 04m, dài hết đất thuộc một phần các thửa 373, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Đ là người sống chung bà T2 nên được nhận diện tích còn lại các thửa 372, 373, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã H, trên đất có căn nhà thờ do bà Đ quản lý thờ cúng cha mẹ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo nội dung Di chúc số 04, quyền số 01 TP/CC- SCT/HĐGD ngày 23/5/2013 của bà Cao Thị T2 được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận và phân khu đất chia thừa kế theo Mạnh trích đo địa chính số 145-2022 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất T4 đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 26/5/2022 là phù hợp.

Tuy nhiên, theo Công văn số 3622/UBND-NC ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ thì thửa đất số 372 và 373 không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 29/12/2020 thể hiện trên thực tế từ khi bà Cao Thị T2 còn sống, các nguyên đơn đã nhận đất sử dụng. Cụ thể, trên các thửa đất 372, 373 vào năm 2012, bà T2 đã cho bà Nguyễn Thị M xây dựng nhà diện tích 64,7m², cho bà Nguyễn Thị Mộng H xây nhà diện tích 102m², cho ông Nguyễn Tấn A xây nhà vào năm 2017 diện tích 67,8m² và có căn nhà của bà T2 do bà Nguyễn Thị Đ quản lý với diện tích 84,7m². Riêng bà Nguyễn Thị C theo Di chúc được chia diện tích ngang 04m, dài hết đất thuộc một phần các thửa 372, 373 nhưng bà C không nhận đất.

Do đó, cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các con bà T2, buộc bà Đ tháo dỡ hàng rào đã xây dựng, các con bà T2 được quyền yêu cầu chia thừa kế thửa đất 372, 373 khi có chính sách của Nhà nước cho tách thửa đất.

Từ những căn cứ trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Tấn Đ1, bà Đặng Thị L, bà Nguyễn Thị G, bà Đặng Thị Khánh D, bà Đặng Thị X, ông Châu Văn R, ông Châu Văn N, bà Châu Thị N1, bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị V1, bà Nguyễn Thị V2, bà Trương Thị O, Ủy ban nhân dân xã H huyện Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng các thửa đất số 372 và thửa 373 cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp Hoà Thuận 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An trong giấy chứng nhận số BM 235328 và số BM 235327 cùng ngày 12/10/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Cao Thị T2. Các nguyên đơn trình bày cho rằng, các thửa đất số 372 và 373 được bà T2 định đoạt bằng Di chúc vào ngày 23/5/2013, di chúc được chứng thực của Ủy ban nhân

dân xã H, huyện Đ và thực tế các bên cũng đã nhận đất, xây dựng nhà ở nên yêu cầu được chia di sản theo di chúc. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có yêu cầu phản tố yêu cầu vô hiệu Di chúc được lập ngày 23/5/2013, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn nên phía bị đơn bà Nguyễn Thị Đ làm đơn kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ do bà Nguyễn Thị Kim C1 đại diện yêu cầu chia thừa kế theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế thấy rằng: Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được lập giữa các đương sự gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Mộng H, Nguyễn Tấn A và Nguyễn Tấn Đ1, còn các thừa kế khác của bà T2 và ông S gồm bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị V1, bà Nguyễn Thị V2, bà Trương Thị O không thể hiện ý kiến trong văn bản thoả thuận. Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm, Bà M, bà C, bà Mộng H, ông Tấn A không thừa nhận có ký tên vào văn bản thoả thuận phân chia di sản, văn bản này không thể hiện thời gian, địa điểm lập, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Toà án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập chứng cứ xác định ý chí của các đương sự trong việc lập văn bản thoả thuận phân chia di sản. Mặt khác, việc các đương sự tự phân chia diện tích đất theo các số liệu không xác định vị trí và không đủ diện tích tách thửa nên không thể phân chia được. Thực tế các đương sự đã sinh sống và xây dựng nhà trên đất, Toà án cấp sơ thẩm phân chia theo thực tế hiện trạng sử dụng đất là có cơ sở, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[4] Đối với việc tách thửa cho các đương sự quyền sử dụng đất: các đương sự đều trình bày thống nhất, di sản thừa kế của bà Cao Thị T2 để lại là thửa đất số 372 tờ bản đồ số 10, loại đất ONT, và thửa đất số 373 loại đất BHK, thửa đất số 372 có vị trí ở giữa thửa đất số 373 và các đương sự tự xây dựng nhà chạy dọc trên 2 thửa đất, việc công nhận quyền sử dụng đất của các đương sự dẫn đến việc tách thửa dưới diện tích tối thiểu theo quy định của Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Toà án đã trưng cầu ý kiến Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc tách thửa cho các đương sự theo quy định tại Điều 10 của Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021. Tại văn bản số 1678/UBND-NC ngày 20/02/2023 Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định các thửa đất 372 và 373 không thuộc các dự án phải thu hồi đất, đồng thời văn bản số 3622/UBND-NC ngày 27/3/2023 xác định các thửa đất số 372 và 373 không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Vì vậy, việc tách hai thửa đất thành các diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu sẽ không thực hiện được, bản án sơ thẩm tuyên cho phép tách

thửa sẽ không thể thi hành. Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án chỉ xác định di sản thừa kế thuộc quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế, các thừa kế được sử dụng chung, không ai được cản trở, bà Đ có trách nhiệm tháo dỡ hàng rào ngăn cản việc thoát nước sử dụng đất. Các đương sự được quyền sử dụng đất chung và được khởi kiện phân chia di sản khi có chính sách của Nhà nước cho tách thửa quyền sử dụng đất. Vì vậy sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 198A/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về cách tuyên án.

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 147, 148, 157, 165 và 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 124, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 10 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An; Điều 26, 27, 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Tấn A về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất” đối với bị đơn Nguyễn Thị Đ.

2. Xác định di sản thừa kế chưa chia của bà Cao Thị T2 gồm để lại gồm:

2.1. Thừa đất số 373 tờ bản đồ số 10 diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 235327 ngày 12/10/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Cao Thị T2 là 909,00m²; diện tích đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính số 145-2022 ngày 23/5/2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất T4 được phê duyệt ngày 26/5/2022 là 961,2m².

2.2. Thừa đất số 372 tờ bản đồ số 10 diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 235328 ngày 12/10/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Cao Thị T2 là 186,00m²; diện tích đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính số 145-2022 ngày 23/5/2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất T4 được phê duyệt ngày 26/5/2022 là 186m².

3. Các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H, ông Nguyễn Tấn A, bà Nguyễn Thị Đ được sử dụng chung đối với toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 372 và 373 cùng tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp H2, xã H, huyện Đ, Long An.

4. Bà Nguyễn Thị Đ không được ngăn cản các thừa kế khác sử dụng đất và tháo dỡ hàng rào chắn tạm bằng lưới B40 trên phần đất tại vị trí B, B1 và B2 theo Mảnh trích đo địa chính số 145-2022 ngày 23/5/2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất T4 được Chi nhánh phê duyệt ngày 26/5/2022 và Mảnh trích đo phân khu ngày 16/01/2023 của Công ty TNHH Đo Đạc Nhà Đất T4.

Các đồng thừa kế có quyền khởi kiện phân chia di sản là quyền sử dụng đất khi có chính sách của Nhà nước về chia, tách quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:

Ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Mộng H chịu 31.500.000đồng. Các nguyên đơn đã nộp và Tòa án đã chi phí xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

6.1. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Mộng H 2.500.000đồng theo biên lai thu số 0006289 ngày 29/9/2020; bà Nguyễn Thị Đ 300.000đồng theo biên lai thu số 0009952, ngày 23/3/2022; ông Nguyễn Tấn A 300.000 đồng theo biên lai thu số 00009952, ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

6.2. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 0000268 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

7. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga